

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 20

Phẩm 7: PHÂN BIỆT TUỆ (PHẦN 2)

Thuyết minh về tất cả hàng phàm phu và Thánh nhân. Do nghĩa chung nơi Nhất thiết trí, tu các đức xong, mười tám pháp bất cộng đặc Phật, nghĩa là lực v.v... Pháp này chỉ cho một mình Phật, Thế Tôn. Ở vào thời điểm Tận trí sinh xong, hoàn toàn đạt được, nên có thể tu, không phải là người khác. Nay sẽ nói:

Những gì là mười tám?

Kệ nói:

Mười tám pháp bất cộng đặc Phật

Như lực v.v...

Giải thích: Mười lực, bốn vô úy, ba niệm xứ, và đại bi gọi là mười tám pháp bất cộng. Trong đây giải thích về mười lực, có bảy nghĩa. Bảy nghĩa ấy là:

1. Tự tánh.
2. Phân biệt.
3. Riêng mình chứng đắc.
4. Bình đẳng.
5. Tạo sự việc.
6. Thứ lớp.
7. Sai biệt.

Nghĩa này nên biết.

Trong ấy:

Kệ nói: Mười trí xứ, phi xứ.

Giải thích: Trong xứ, phi xứ, trí, lực gồm đủ mười trí.

Kệ nói: Sức của nghiệp có tám trí.

Giải thích: Ở nơi nghiệp và trong quả báo lực trí gồm đủ tám trí, trừ diệt trí, đạo trí.

Kệ nói:

*Lực tánh dục, căn định
Đạo biến hành chín trí
Hoặc là có mười trí.*

Giải thích: Định giải thoát nơi Tam-ma-đề, lực trí của Tam-ma-bạt-đề chuyển dần căn, lực trí. Vô số lực của dục trí, vô số lực của tánh trí, đều có lực của chín trí, trừ diệt trí. Lực của trí đạo biến hành, hoặc mười trí, hoặc chín trí. Vì sao? Vì nếu cho đạo này cùng với quả tức gọi là lực của trí đạo biến hành, tức có đủ mười trí. Nếu cho chẳng cùng quả thì chỉ có chín trí, trừ diệt trí.

Kệ nói: Thế trí ở nơi hai.

Giải thích: Lực của trí tức trụ niệm và lực của trí tử sinh chỉ là trí thế tục.

Kệ nói: Sáu, mười diệt.

Giải thích: Lực của Tận trí lưu xuất hoặc lấy sáu trí làm tánh: Nghĩa là pháp trí, loại trí, diệt trí, Tận trí, Vô sinh trí và trí thế tục. Nếu cho chỉ có diệt trí gọi là lực của Tận trí lưu xuất thì nghĩa của các pháp kia như đây. Nếu cho trí trong sự tương tục tận cùng của lưu gọi là lực của Tận trí lưu, thì gồm đủ mười trí.

Nói tánh của lực nơi mười trí này xong. Địa của lực trí kia nay sẽ nói.

Kệ nói:

Túc trụ thoái chuyển sinh lực ở định.

Giải thích: Lực của trí túc trụ, và lực của trí tử sinh, đều dựa vào bốn định làm địa.

Kệ nói: Lực còn lại

Ở các địa.

Giải thích: Lực của tám trí còn lại thuộc về tất cả địa. Tất cả địa có mười thứ định. Nghĩa là nơi cõi Dục có định vị chế, định trung gian, bốn định sắc, bốn định Vô sắc. Tất cả lực của mười trí đều dựa nơi thân người của cõi châu Diêm-phù mà dậy khởi. Là thì khi Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở đời, lực của mười thứ trí này, đối với người khác, không gọi là lực, chỉ đối với sự nối tiếp của Phật, mới gọi là lực. Vì ở nơi người khác có đối oán và ngăn ngại, nên không gọi là lực.

Kệ nói:

*Vì sao, lực do đây
Lại không có ngăn ngại.*

Giải thích: Chỉ Phật đã diệt trừ tất cả lưu, vô minh và tập khí v.v...

đều hết. Đối với tất cả cảnh giới, trí sinh khởi không có trở ngại. Thế nên đó là oai lực của Phật. Đối với người khác thì có trở ngại. Vì sao? Vì người kia muốn biết cảnh giới này, nhưng ở trong cảnh trí không sinh. Do đó không thể mang tên là lực. Từng nghe Đại đức Xá-lợi-phất làm cho chi Diều hâu phải sợ, vì không thể biết sự thọ sinh đầu tiên và sự thọ sinh sau cùng của mình. Như vậy, do trí không có đối oán và trở ngại, nên lực của tâm Phật, Thế Tôn cũng như cảnh giới không có biên vực.

Nếu lực của tâm như vậy, thì lực của thân thế nào?

Kệ nói: Thân sức Na-la-diên.

Giải thích: Lại nữa, Có sư khác nói: Thân của Phật, Thế Tôn là sức của Na-la-diên.

Kệ nói: Hoặc nơi mỗi chi tiết.

Giải thích: Có sư khác nói: Ở trong mỗi chi tiết nơi thân của Phật, đều có đủ sức của Na-la-diên. Đại đức nói: Như lực của tâm Phật cũng vậy. Vì sao? Vì nếu không như vậy, thì thân ấy sẽ không nhận nổi lực trí không có biên vực. Vì sao? Vì trong mỗi chi tiết nơi thân của Phật, Thế Tôn, Độc giác, Chuyển luân vương đều có kết vòng xích xương của loài rồng.

Số lượng nơi lực của Na-la-diên ra sao?

Kệ nói:

Tăng trăm lần

Bảy thứ lực của voi v.v...

Giải thích: Trong nhân đạo sức của một trăm hương tượng cự lại sức của một con voi chúa trắng. Sức của một trăm con voi chúa trắng cự lại sức của một Ma-ha-nặc-na. Sức của một trăm Ma-ha-nặc-na địch lại sức của một Bát-ta-kiến-đề. Sức của một trăm Bát-ta-kiến-đề cự lại sức của một Bà-lang-già. Sức của một trăm Bà-lang-già địch lại sức của một Già-nậu-la. Sức của một trăm Già-nậu-la địch lại sức của một Na-la-diên. Tăng một trăm lần như thế sức của hương tượng, bạch tượng, Ma-ha-nặc-na, Bát-ta-kiến-đề, Bà-lang-già, Già-nậu-la, thành sức của Na-la-diên.

Có sư khác nói: Gấp đôi sức này, gọi là sức của Na-la-diên. Tùy chỗ dần tăng thành hơn. Vì sao? Vì lực của Phật là vô lượng.

Kệ nói: Xúc nhập ấy làm tánh.

Giải thích: Lực của thân ấy nên biết. Xúc nhập làm tự tánh, là loại sắc thù thắng được tạo do bốn đại, khác với bảy thứ xúc. Sư khác nói cũng như thế.

Kệ nói: Vô úy có bốn thứ.

Giải thích: Căn cứ vào văn của kinh nói: Vô úy có bốn thứ.

Kệ nói:

Hai trước, mười lực đầu

Hai sau thứ hai, bảy.

Giải thích: Lực trí của xứ, phi xứ, như vô úy thứ nhất. Như kinh nói: “Nay ta đã thành Tam-nhã-tam Phật đà” (nói rộng như kinh), nên biết là vô úy thứ nhất. Sức của Tận trí lưu, như vô úy thứ hai. Như kinh nói: “Nay ta đã diệt hết các lưu” (nói rộng như kinh), nên biết là vô úy thứ hai. Thuộc về lực của trí nghiệp, như vô úy thứ ba. Như kinh nói: “Là thuyết ta đã giảng nói”. Đối với chúng đệ tử, là pháp tương ứng với chướng ngại (nói rộng như kinh), nên biết là vô úy thứ ba. Lực của đạo trí biến thành, như vô úy thứ tư. Như kinh nói: “Là thuyết mà ta đã giảng nói, đối với chúng đệ tử, là các đạo phẩm thanh tịnh xuất ly khỏi sinh tử”. (nói rộng như kinh), nên biết là vô úy thứ tư. Bốn pháp như thế, nên biết là bốn vô úy, lấy sự không sợ hãi làm tánh.

Vì sao nói trí tuệ là vô úy? Do bốn pháp này, nên chư Phật, vì không có tâm nghi ngờ ở trong Đại tập, nên nói trí tuệ kia là vô úy. Sự không nghi ngờ này là chỗ thành tựu của trí tuệ. Đối với trí gọi là vô úy chứ không phải là trí.

Bốn vô úy này biểu thị rõ nghĩa gì?

Biểu thị rõ nghĩa lợi mình và lợi cho người khác. Hai vô úy trước là lợi mình, hai vô úy sau là lợi cho người khác. Lại nữa, bốn vô úy này chỉ là việc lợi ích cho người khác, có khả năng loại trừ cấu uế của người nói và cấu uế của điều giảng nói.

Đã nói bốn vô úy xong. Về niệm xứ: Vì do sự khác biệt của chúng đệ tử nên có ba niệm xứ như kinh nói: Niệm xứ này.

Kệ nói: Ba niệm, tánh niệm, tuệ.

Giải thích: Ba niệm xứ này dùng niệm, tuệ làm tánh. Vào thời điểm ấy, chúng đệ tử với tâm cung kính, lắng nghe và tu hành hoặc tâm không cung kính, lắng nghe và tu hành. Lại có đủ hai thứ, ở trong đó, Phật, Thế Tôn không có tâm ái dục, không có tâm giận dữ, không có tâm tạp nhiễm.

Sao nói ba thứ này là pháp “đắc” bất cộng của Phật? Vì ba thứ này biểu thị rõ Như Lai đã diệt trừ hết mọi tập khí.

Lại nữa, nếu chúng đệ tử của mình, đối với giáo huấn của thầy, cung kính tiếp nhận, thực hành hoặc không cung kính tiếp nhận, thực hành. Và gồm đủ trong hai sự, các sự mừng lo v.v... Như đối với Phật

thì hoàn toàn không sinh, đối với người khác thì không như vậy. Ba thứ này không sinh, đối với Phật là pháp hy hữu. Người khác thì không như vậy, nên lập pháp này là pháp “đắc” bất cộng của Phật.

Về đại bi, nay sẽ nói.

Kệ nói: Đại bi trí thế tục.

Giải thích: Đại bi dùng trí thế tục làm tánh. Nếu không như vậy thì không thể trở thành duyên nơi tất cả chúng sinh làm cảnh giới, cũng không được ba khổ làm hành tướng. Ví như bi của Thanh văn. Thế nào gọi là đại bi?

Kệ nói:

*Do hành tướng tư lương,
Cảnh bình đẳng trên hết.*

Giải thích:

1. Do tư lương lớn có công năng sinh trưởng tư lương của phước đức, trí tuệ lớn.

2. Do hành tướng lớn, dùng ba khổ làm hành tướng, duyên nơi chúng sinh để dấy khởi.

3. Do cảnh giới lớn duyên chung nơi chúng sinh của ba cõi làm cảnh.

4. Do bình đẳng lớn, đối với tất cả chúng sinh bình đẳng khởi việc lợi ích.

5. Do sự lớn lao trên hết, vì đây là bi trên hết, rốt ráo. Vậy đại bi với bi có gì khác biệt?

Kệ nói: Sai biệt có tám thứ.

Giải thích:

1. Khác biệt về tánh, do không giận, không si làm tánh.

2. Khác biệt về hành tướng, do một khổ, ba khổ làm hành tướng.

3. Khác biệt về cảnh giới, do duyên nơi một giới, ba giới làm cảnh dấy khởi.

4. Khác biệt về địa, do dựa vào bốn định, dựa vào định thứ tư làm địa.

5. Khác biệt về sự nối tiếp nhau, do nương tựa vào sự nối tiếp của Thanh văn v.v... vào sự nối tiếp của Phật để sinh khởi.

6. Khác biệt về sự dẫn đến chứng đắc, do liạ dục, nơi cõi Dục, cõi trời Hữu đánh là chỗ đạt được

7. Khác biệt về sự cứu giúp, do muốn cứu giúp, do muốn trở thành sự cứu giúp.

8. Khác biệt về bi, vì do bi đồng, không đồng.

Đã nói về mười tám pháp bất cộng của chư Phật không chung với người khác. Vậy điều này hoàn toàn chung với chư Phật chăng? Có chung, không chung với chư Phật. Nghĩa này là thế nào?

Kệ nói:

*Do pháp thân tư lương
Và hành lợi ích khác
Tất cả Phật bình đẳng
Không phải thọ lượng tính.*

Giải thích: Do ba nhân duyên nên hết thấy chư Phật đều bình đẳng:

Nhân viên mãn bình đẳng: Do xưa kia đã thực hành phước đức, trí tuệ, với tư lương đồng viên mãn.

Quả viên mãn bình đẳng: Do đã được pháp thân đồng thành tựu đầy đủ.

Lợi ích cho người khác bình đẳng: Do đối với quả vị đã chứng đắc, chuyển biến việc lợi ích cho người khác đồng rớt ráo, trọn vẹn.

Do ba nghĩa này nên chư Phật đều bình đẳng. Không chung nghĩa là Có sự khác biệt, do số lượng về chủng tánh, thọ mạng thân tướng chỗ thành tựu về thọ mạng có dài, ngắn. Điều này cũng vì sinh hữu của đời trước, đời sau khác nhau, vì chủng tộc Bà-la-môn, Sát-đế-lợi không đồng, và vì tộc họ Ca-diếp-ba, Cú-đa-ma v.v... bất đồng. Dung lượng về thân tướng với hào quang có lớn, nhỏ. Nói vân vân là chỉ cho thân pháp trụ hủy hoại, không hủy hoại v.v... Như thế do tùy theo thời thời gian sinh, nên có khác biệt. Nếu người thông minh tư duy về ba thứ đức thù thắng, viên mãn của chư Phật thì đối với Phật Thế Tôn tất nhiên, có thể sinh tâm tôn trọng, nghĩ nhớ kính yêu tột bậc.

Ba đức thù thắng viên mãn: Tức là đức thù thắng của nhân viên mãn. Đức thù thắng của quả viên mãn. Đức thù thắng của ân viên mãn. Trong đó đức thù thắng của nhân viên mãn có bốn thứ:

1. Tất cả phước đức, trí tuệ đều thường xuyên tu tập, thực hành.
2. Thực hành trong thời gian dài.
3. Thực hành không có gián cách.
4. Hành với sự tôn trọng.

Đức thù thắng của quả viên mãn có bốn thứ:

1. Trí đức thù thắng.
2. Đoạn đức thù thắng.
3. Đức của oai lực thù thắng.
4. Đức của sắc thân thù thắng.

Đức thù thắng của ân viên mãn, có bốn thứ: Ân đức vĩnh viễn giải thoát khỏi sinh tử của ba cõi ác, hoặc ân đức an lập nơi cõi thiện và ba thừa.

Trí đức thù thắng lại có bốn thứ:

1. Trí vô sư.
2. Nhất thiết trí.
3. Nhất thiết chủng trí.
4. Trí không có dụng công.

Đoạn đức thù thắng cũng có bốn thứ:

1. Tất cả chướng ngại của giải thoát đều diệt trừ.
2. Tất cả chướng ngại của định đều trừ diệt.
3. Tất cả chướng ngại của trí đều trừ diệt.
4. Thời gian vĩnh viễn dứt diệt.

Đức thù thắng của oai lực cũng có bốn thứ:

1. Oai lực nói cảnh bên ngoài, hóa sinh, chuyển biến, nguyện thành hợp, tan đều tự tại.
2. Oai lực đối với thọ mạng nhận lấy, xả bỏ, an lập, đều tự tại.
3. Oai lực đối với chướng ngại và hư không đi rất xa, rất nhanh đối với ít làm thành nhiều, nhập xuất đều tự tại.
4. Oai lực nơi vô số tự tánh, pháp hy hữu, đức đều viên mãn.

Đức thù thắng của oai lực, lại có bốn thứ:

1. Khó hóa độ, có thể hóa độ.
2. Giải đáp các vấn nạn, tất có thể đoạn trừ mọi nghi.
3. Lập giáo, quyết định xuất ly.
4. Có khả năng chế ngự, hàng phục các ma ác, ngoại đạo v.v...

Đức thù thắng của sắc thân có bốn thứ:

1. Đức thù thắng của tướng lớn.
2. Đức thù thắng của tướng nhỏ.
3. Đức thù thắng của diệu lực.
4. Đức thù thắng của thân cốt là Kim cang chân thật.

Đức thù thắng của chư Phật nếu nói chung thì có những thứ như vậy. Nếu phân biệt về sự sai khác nơi các đức thù thắng ấy, thì không có biên vực. Đức thù thắng này, chỉ có chư Phật, Như Lai mới có khả năng biết đủ, nói đủ. Nếu chư Phật Như Lai thu giữ thọ mạng trong vô số a-tăng-kỳ kiếp thì nói mới có thể hết. Chư Phật Như Lai như thế là vô biên công đức hy hữu. Trí đức, đoạn đức, ân đức là ao báu lớn. Chúng sinh, phạm phu, do đức mình nghèo thiếu làm tổn hại sự tin tưởng ưa thích. Mặc dù đã được nghe rõ về đức thù thắng viên mãn như vậy,

nhưng đối với Phật không khởi tâm tôn trọng. Đối với chánh pháp cũng vậy. Nếu người thông minh, nghe công đức này khởi tâm quy y dốc hết lòng thành nên đối với chánh pháp của Phật cũng vậy. Người này do tâm tin tưởng hoàn toàn thanh tịnh, tức là chế phục sự tích tụ của nghiệp ác nơi quả báo bất định xong, tiếp nhận quả báo an lành tốt đẹp cõi người, trời, sau cùng hưởng đến Niết-bàn là trên hết.

Thế nên, chư Phật, Như lai xuất hiện ở đời làm ruộng phước vô thượng cho tất cả chúng sinh. Do có thể phát sinh diệu hữu thù thắng đáng yêu thích nên mau chóng đạt quả thiện về sau.

Làm sao có thể biết được?

Phật, Thế Tôn tự nói kệ để hiển bày nghĩa này.

Kệ nói:

*Nếu người đời vị lai
Nơi Phật, tạo ít thiện
Thọ sinh chư thiên xong
Ắt được đủ không mất.*

Đã thuyết minh về công đức của chư Phật như thế xong.

Kệ nói:

*Có pháp Phật khác, chung
Đệ tử và phàm phu.*

Giải thích: Chư Phật, Như Lai có công đức, ban cho đệ tử cùng đạt được. Hoặc ban cho hàng phàm phu cùng đạt được.

Là công đức gì?

Như thứ lớp, kệ nói:

*Vô tránh và nguyện, trí
Đức của vô ngại giải.*

Giải thích: Các đức, nghĩa là Tam-ma-đề vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải, thông, tuệ, định, Tam-ma-đề Vô sắc, vô lượng giải thoát, chế nhập, biến nhập v.v... Trong đây, gọi là Tam-ma-đề vô tránh: Có các Tỳ-kheo A-la-hán đã biết rõ về mọi thống khổ của chúng sinh là do “hoặc” sinh khởi. Vì muốn cho thân mình đối với người khác, trở thành ruộng phước vô thượng, vì muốn chế phục người khác, nên duyên nơi phần phiền não sinh khởi của tự thân, sinh trí tưởng như thế. Do trí này, nên người khác không thể sinh khởi tất cả các thứ tranh luận. Do trí này nên không có người khác duyên quán nơi người tu hành, hoặc khởi tâm dục, hoặc khởi tâm giận dữ, hoặc khởi tâm kiêu mạn v.v... Do chánh hạnh này, tất sẽ không phát động, tùy thuộc vào một người khác để có thể dấy khởi phiền não nên gọi là vô tránh.

Thế tướng của Tam-ma-đề này thế nào?

Kệ nói: Trí thế tục, vô tránh.

Giải thích: Đây là tự tánh của Tam-ma-đề, nghĩa là trí thế tục.

Kệ nói: Định sau.

Giải thích: Định sau, nghĩa là định sau cùng của định thứ tư. Định này tuy dùng chung định thứ tư làm địa, nhưng chỉ là trí ưa thích nhanh chóng.

Kệ nói: Pháp không hủy hoại.

Giải thích: Chỉ ở trong pháp hủy hoại, A-la-hán mới tương tục, không phải là A-la-hán khác. Vì sao? Vì A-la-hán khác, đối với sự tương tục của mình, có lúc không thể khiến xa lìa các sự tranh cãi khác sinh khởi.

Kệ nói: Sinh nơi cõi người.

Giải thích: Định này tu tập chứng đắc ở trong cõi người, chỉ ở nơi ba châu. Định này duyên nơi cảnh nào sinh?

Kệ nói: Chưa sinh dục hữu loại hoặc, cảnh.

Giải thích: Hoặc hữu loại nơi cõi Dục ở vị lai làm cảnh của định này. Mong sao các “hoặc” của người khác chớ sinh, nên dựa vào môn này mà sinh. Hoặc vô loại là: Không thể ngăn chặn, lìa các “hoặc” biến hành duyên đầy đủ nơi địa, giới sinh khởi. Như thế gọi là vô tránh.

Kệ nói: Nguyện trí cũng như thế.

Giải thích: Nguyện trí này cũng dùng trí thế tục làm tánh, dựa vào định sau làm địa, dựa vào pháp không hủy hoại để sinh sự nối tiếp nhau tu tập chứng đắc cõi người.

Nếu vậy, sự khác biệt ra sao?

Kệ nói: Chỉ duyên tất cả cảnh.

Giải thích: Nguyện trí duyên nơi tất cả pháp làm cảnh đầy khởi, nên cảnh này khác với pháp của cõi Vô sắc kia. Điều này xảy ra là do nguyện trí không thể chứng biết. Tuy nhiên, do sự khác biệt của hành đẳng lưu nên có thể đối chiếu để nhận biết.

Sư Tỳ-bà-sa nói: Trong đấy, hành do người làm thí dụ.

Pháp môn là nơi tu tập của nguyện trí như thế nào?

Là tự mình mong cầu muốn biết sự việc. Vì thế, nên nhập vào cõi xa của Tam-ma-đề thứ tư. Nguyện cho tôi tất biết việc này, tức đối với sự việc ấy, biết đúng như thật. Tùy thuộc ở định này mà diệu lực hành trì có xa, gần. Sự nhận biết về gần, xa cũng vậy.

Kệ nói:

Nơi phương ngôn nghĩa pháp

Khéo biện giải vô ngại.

Giải thích: Biện giải vô ngại có bốn thứ:

1. Biện giải vô ngại về pháp.
2. Biện giải vô ngại về nghĩa.
3. Biện giải vô ngại về phương ngôn.
4. Biện giải vô ngại khéo léo.

Biện giải vô ngại này, nên biết, như Tam-ma-đề vô tránh.

Thế nào là như nương tựa vào pháp không hủy hoại, nối tiếp nhau sinh và tu tập, chứng đắc ở cõi người?

Hai thứ này đồng với địa của cảnh giới kia. Vì tự tánh sai biệt, nên nói đây khác với kia.

Kệ nói:

Ba trước, danh nghĩa ngôn

Thứ lớp vô ngại giải.

Giải thích: Ở trong tự của danh, câu, chữ, ở trong nghĩa, ở trong ngôn ngữ, trí không thể xoay chuyển lại, đó gọi là phương ngôn, nghĩa, pháp vô ngại giải. Theo thứ lớp, nên biết.

Kệ nói:

Lý thoát trong thứ tư

Nơi ngôn từ tự tại.

Giải thích: Trí không thể xoay chuyển lại, đây gọi là lưu. Trong đó lý lia chướng ngại, mất lối, nẻo định tự tại hiển hiện. Trí không thể xoay chuyển lại, nên gọi là xảo biện vô ngại giải.

Kệ nói: Đây duyên nơi cảnh của ngôn đạo.

Giải thích: Thuyết giảng đúng và đạo là cảnh giới của trí này.

Kệ nói: Chín trí.

Giải thích: Sự biện giải này dùng chín trí làm tánh. Nghĩa là khéo biện luận, đạo, tự tại vô ngại giải, trừ diệt đế.

Kệ nói: Tất cả địa.

Giải thích: Giải này nương tựa tất cả địa để dấy khởi. Nghĩa là từ cõi Dục, cho đến cõi Hữu đảnh, do duyên ngôn đạo, tùy theo một thứ làm cảnh.

Kệ nói: Mười hoặc sáu nghĩa giải.

Giải thích: Vô ngại giải trong nghĩa. Nếu dùng tất cả pháp làm nghĩa, thì giải này sẽ dùng mười trí làm tánh. Nếu chỉ lấy Niết-bàn làm nghĩa, thì chỉ dùng sáu trí làm tánh, tức là pháp trí, loại trí, diệt trí, Tận trí, Vô sinh trí và trí thế tục.

Kệ nói: Biến xứ.

Giải thích: Vô ngại giải theo nghĩa này là dựa vào tất cả địa để dấy khởi.

Kệ nói: Thế trí khác.

Giải thích: Hai vô ngại giải còn lại là phương ngôn, Pháp dùng trí thế tục làm tánh, duyên nơi ngôn ngữ của danh câu v.v... làm cảnh.

Kệ nói:

Giải của pháp định

Cõi Dục.

Giải thích: Pháp vô ngại giải có năm địa nơi cõi Dục và thuộc về bốn định, vì đối với cõi trên không có các tụ như danh v.v...

Kệ nói:

Nơi ngôn, định thứ nhất

Cõi Dục.

Giải thích: Phương ngôn vô ngại giải, dựa vào định thứ nhất của cõi Dục làm địa. Vì ở cõi trên không có giác quán, nên ở trong phân biệt, giả danh để luận. Phân biệt về bốn vô ngại.

Giải nói: Ở trong danh, câu, chữ, ở trong nghĩa đã nói. Nghĩa này nơi: Một hoặc hai thứ tiến triển nhiều theo ba thời, như trong chỗ thuyết khác biệt về nam, nữ v.v... Thuyết này nói trí không thể xoay lại. Trong chỗ không có chướng ngại, lỗi lầm, gọi là pháp vô ngại giải v.v... Thế nên, thứ lớp về bốn vô ngại giải kia được thành tựu phương ngôn: Là do nhân nơi lý, giải thích ngôn từ ví như do có chướng ngại, nên gọi là sắc v.v... Ngôn từ đối với chỗ lập, phá thặng nơi ngôn thuyết gọi là biện tài thiện xảo.

Sư khác nói: Bốn vô ngại giải này dùng ngôn Thanh luận, Nhân duyên luận, tính lượng về Phật, Thế Tôn, theo thứ lớp là bốn giải này và trước hết là pháp môn gia hạnh. Vì sao? Vì nếu người nào đối với bốn xứ, chưa tu gia hạnh thấu đạt sáng suốt, thì sẽ không thể sinh khởi giải này.

Có sư khác nói: Ở trong chánh pháp của Phật, Thế Tôn, tất cả gia hạnh của Phật, Thế Tôn đều thành tựu viên mãn. Nếu người nào đạt được một thứ, người đó tất sẽ đạt được bốn thứ. Vì sao?

Kệ nói: Nếu không đủ, chưa được.

Giải thích: Nếu đạt được mà không đầy đủ thì không thể nói là người này đã được bốn thứ vô ngại giải, là chỗ nói về công đức như không tranh chấp v.v...

Kệ nói: Sáu biên vực xa, định được.

Giải thích: Sáu pháp này do sức của định nơi biên vực xa mà

được, nên nói định kia là định biên vực xa.

Kệ nói: Sáu pháp này.

Giải thích: Định thứ tư ấy được gọi là biên vực xa. Sáu pháp làm thế, nghĩa là Tam-ma-đề vô tránh, nguyện trí, ba vô ngại giải và Tam-ma-đề biên vực xa. Phương ngôn vô ngại giải, tuy do sức nơi định biên vực xa mà được, nhưng không nương tựa định thứ tư làm địa để dấy khởi vì thế không chọn lấy.

Pháp nào gọi là Tam-ma-đề biên vực xa?

Kệ nói:

*Là định nơi sau cùng
Tùy thuận tất cả địa
Đầy đến tăng rốt ráo.*

Giải thích: Định này chỉ dùng định thứ tư làm địa.

Thế nào là tùy thuận tất cả địa?

Trước là từ tâm khéo tư duy của cõi Dục nhập sơ định. Từ sơ định nhập định thứ hai, theo thứ lớp như thế cho đến nhập nơi định phi tưởng, phi phi tưởng. Lại nữa, từ định phi tưởng, phi phi tưởng tu ngược lại thứ tự, cho đến tâm nơi cõi Dục. Lại nữa, từ tâm nơi cõi Dục, lại tu thuận theo thứ lớp, cho đến định thứ tư. Như vậy tùy thuận tu tập nơi tất cả địa.

Sao gọi là dẫn đến tăng trưởng rốt ráo?

Tu định thứ tư như thế, từ yếu kém tu trung, từ trung tu thượng. Ba cách tu này, mỗi thứ lại chia làm ba phần, nên thành chín phẩm. Phẩm sau cuối, gọi là dẫn đến tăng trưởng rốt ráo. Định như thế gọi là định biên vực xa. Biên vực, tức hoặc dùng sự sai biệt làm nghĩa, hoặc dùng sự tăng trưởng tận cùng làm nghĩa. Ví như bốn biên vực và thật tế. Sáu công đức như đây.

Kệ nói: Chỉ có Phật, không phải hành được.

Giải thích: Khác với Phật, các người kia tất nhiên phải do tu hành mới được. Không do lìa dục mà đạt được. Chỉ có Phật, Thế Tôn. Không có công đức là do tu hành mà chứng đắc, tất cả công đức, đều là lìa dục mà đạt được. Vì sao? Vì chỉ có một Pháp vương, Thế Tôn, được tự tại đối với tất cả pháp. Thế nên, tất cả công đức, tùy theo ý của Như Lai, đều được hiện tiền. Các đức như thế đều ban cho các đệ tử cùng đạt được.

Như thông tuệ v.v... thì cũng ban cho hàng phàm phu cùng đạt được.

Pháp nào gọi là thông tuệ?

Kệ nói:

*Như ý thành nhĩ tâm
Túc trụ, tử sinh dứt
Trí chứng gọi là thông tuệ
Sáu thứ.*

Giải thích: Như ý trở thành cảnh: Trí chứng, thông tuệ là thiên nhĩ. Sự khác biệt của tha tâm thông. Túc trụ về dòng sinh tử dứt sạch là trí chứng thông tuệ. Sáu pháp này gọi là thông tuệ, trong đó, năm pháp trước chung với hàng phàm phu cùng được. Tất cả trở thành thông tuệ.

Kệ nói: Trí giải thoát.

Giải thích: Dùng đạo trí giải thoát làm tánh, ví như quả Sa-môn.

Kệ nói: Bốn trí thế tục này.

Giải thích: Trừ sai biệt, tha tâm, thông tuệ và thông tuệ lưu tận, bốn pháp khác đều dùng trí thế tục làm thể.

Kệ nói: Tuệ tha tâm, năm trí.

Giải thích: Thông tuệ tha tâm, dùng năm trí làm thể. Nghĩa là pháp trí, loại trí, đạo trí, trí thế tục, tha tâm trí.

Kệ nói: Tận thông tuệ, như lực.

Giải thích: Như trước đã nói, lực của Tận trí lưu xuất thông tuệ này nên biết cũng vậy. Hoặc dùng sáu trí, hoặc mười trí làm thể. Tận trí lưu xuất kia dùng tất cả địa làm chỗ nương dựa, nên biết thông tuệ này cũng vậy.

Kệ nói: Năm khác nơi bốn định.

Giải thích: Năm thứ khác dùng địa của bốn định làm chỗ nương dựa.

Vì sao năm thứ khác này không dùng địa của định Vô sắc làm chỗ nương dựa? Chỉ vì trong đó ba thông tuệ duyên nơi sắc làm cảnh, nên không thể dựa vào địa của định Vô sắc để dấy khởi. Thông tuệ của tha tâm khác biệt là chỗ sinh của môn sắc, nên cũng không dùng địa của định Vô sắc làm chỗ nương dựa. Thông tuệ của túc trụ niệm nhớ giữ phần vị khác biệt, thứ lớp sinh khởi cũng không dùng địa của định Vô sắc làm chỗ nương dựa. Thông tuệ này dùng xứ sở, tên họ, nơi cư trú v.v... làm cảnh giới. Nếu người muốn biết tâm của người khác, đối với sự nối tiếp của mình, thì trước hết phải quán về hai tướng thân, tâm. Nghĩa là tướng của thân ta như thế, tướng tâm như vậy. Như quán về tướng nơi thân, tâm mình, đối với sự nối tiếp của người khác, cũng khởi tư duy về tướng như thế. Do đấy, tức sẽ biết được tâm người khác.

Vì thế, nên thông tuệ được nảy sinh. Nếu thông tuệ này đã thành

tự thì không quán sắc, vẫn tự biết về tâm người khác.

Nếu muốn nhớ giữ về túc trụ, tất nhiên phải theo thứ lớp: Trước quán sát tướng diệt nơi thức của mình xong, theo thứ lớp nghịch như vậy, tư duy về sự khác biệt của các phần vị, cho đến tâm gửi hình tích vào thai. Tiếp theo, do nhớ giữ gìn trong một sát-na trung ấm, nên sự thông hợp này đã thành. Như nhớ giữ về túc trụ của mình, nhớ giữ về túc trụ của người khác cũng vậy. Nếu sự thông hợp này đã thành, cũng sẽ được dấy khởi sự nhớ giữ về túc trụ. Nếu sự việc này, xưa kia đã trải qua, tiếp nhận, thì việc ấy là chỗ được ghi nhớ, sự việc khác thì không phải.

Nếu vậy, đối với sự việc khác, vì sao cũng cho là như đây? Và nếu như vậy, thì sao lại nhớ giữ về túc trụ của năm thứ Tịnh Cư thiên?

Vì do lắng nghe chỗ từng tiếp nhận, nên có thể nhớ giữ. Nếu người từ cõi Vô sắc thoái chuyển, sinh vào cõi này, thì do dùng sự nối tiếp của người khác làm chỗ nương tựa, nên được thông tuệ tu túc trụ của cõi Vô sắc. Chỗ nương tựa khác tự nối tiếp để có thể nhận biết. Như ý trở thành thông tuệ v.v... Quan sát về âm thanh, hào quang của tướng nhẹ, là gia hạnh của thông tuệ kia.

Lại nữa, năm thông tuệ này,

Kệ nói: Thông, giải, cảnh từ địa dưới.

Giải thích: Tùy nơi địa đã nương tựa như ý mà thành tánh của thông tuệ. Do dấy được hành hóa nơi địa này và các vật hóa sinh v.v... Hoặc ở nơi địa dưới, không phải ở địa trên. Như thế do thông tuệ là thiên nhĩ, được nghe tiếng nói của địa mình và tướng của địa dưới nhưng không được nghe tiếng nói của địa trên. Do thông tuệ khác biệt của tâm người khác, nên không được biết tâm người khác nơi địa trên. Do thông tuệ của túc trụ niệm nên chẳng thể nhớ về túc trụ của địa trên. Do thông tuệ của tử sinh nên không thể thấy sự tử sinh của địa trên. Thế nên, dựa nơi tâm của địa Vô sắc, do thông tuệ của tâm người khác, thông tuệ của túc trụ niệm, đều không thể chọn lấy, vì do ở trên địa.

Các thông tuệ này làm sao đạt được? Nếu chưa từng được đều do tu hành mà được chăng?

Kệ nói: Từng đều là ly đắc.

Giải thích: Năm thông tuệ này nếu ở đời khác, thường xuyên tu tập, do lìa dục mà đạt được. Nếu là sự vượt hơn riêng thì cũng do tu hành mà đạt được, vì tất cả đều do tu hành mà được sinh.

Kệ nói: Thứ ba, ba niệm xứ.

Giải thích: Thông tuệ khác biệt của tâm người khác, thuộc về ba

niệm xứ. Nghĩa là niệm xứ thọ tâm pháp, vì tâm và tâm pháp là cảnh giới.

Kệ nói: Ý thành đầu tiên của nhãn, nhĩ.

Giải thích: Như ý thành thông tuệ của thiên nhãn, thiên nhĩ, thuộc về niệm xứ đầu tiên. Nghĩa là thân niệm xứ, vì duyên nơi sắc làm cảnh giới. Như ý trở thành thông tuệ, dùng bốn nhập ngoài làm cảnh giới ngoài trừ tiếng. Thông tuệ của thiên nhãn, thiên nhĩ, dùng âm thanh, sắc làm cảnh giới.

Nếu vậy, thông tuệ của sinh tử làm sao biết được như ở đây?

Như kinh nói: Là chúng sinh kia, tương ứng với tà hạnh của niệm, ý, chê bai Thánh nhân, khởi dấy tà kiến, tiếp nhận pháp tà kiến và nghiệp. Do dấy, khi bỏ thân mạng, tất nhiên sẽ phải đọa vào cõi ác vô hành, sinh vào chốn tối tăm và (ngoài ra, nói rộng như kinh). Do thiên nhãn không thể biết được. Có trí riêng như đây, là loại bạn của thông tuệ thiên nhãn, sinh trong sự nối tiếp của Thánh nhân, có khả năng biết như thế, do không quyết định. Các thông tuệ khác dùng bốn niệm xứ làm tánh. Nghĩa này tự thành lập.

Kệ nói:

*Thiên nhĩ, nhãn vô ký
Thông tuệ khác đều thiện.*

Giải thích: Thông tuệ của thiên nhĩ, thiên nhãn là tánh vô ký. Thông tuệ này dùng nhĩ thức, nhãn thức tương ứng với trí làm thể.

Nếu vậy thì hai thông tuệ này lấy địa của bốn định làm chỗ nương tựa. Vì sao được thành?

Vì do tùy thuộc vào địa được nương dựa, nói là địa của bốn định kia, nên không mâu thuẫn. Nhãn nhĩ căn là chỗ tựa của thức ấy, dùng bốn định làm địa. Lại nữa, do tùy thuận nơi đạo vô gián, lập địa của bốn định kia. Bốn định còn lại, đều là tánh thiện.

Nếu vậy thì ở trong nẻo phân biệt lý luận, đã thuyết minh ra sao? Như nói: Gì là thông tuệ cho là tuệ thiện?

Văn luận này hoặc căn cứ ở nghĩa trội hơn để nói, hoặc căn cứ ở nghĩa nhiều mà hỏi đối với sáu thông tuệ.

Kệ nói: Ba minh được.

Giải thích: Thông tuệ của túc trụ niệm, sinh tử lưu dứt hết tức thuyết minh ba pháp này là minh chứng đặc của bậc Vô học.

Sao chỉ cho ba pháp này được gọi là minh chứng đặc, còn pháp khác thì không phải?

Kệ nói:

*Biên vực trước
Cùng đối trị vô minh.*

Giải thích: Ba pháp này có thể theo thứ lớp đoạn trừ vô minh của biên vực trước, biên vực giữa và biên vực sau, thế nên chỉ có ba pháp được gọi là minh đặc.

Trong ba pháp, nếu là bậc Vô học chân thật. Kệ nói: Vô học sau tốt.

Giải thích: Trôi đạt trong dòng sinh tử, dứt hẳn chứng đặc định trí là bậc Vô học.

Kệ nói: Hai, đồng gọi là nối tiếp sinh.

Giải thích: Hai thông tuệ còn lại, do sinh ở trong sự nối tiếp của bậc Vô học, nên gọi là Vô học. Tự tánh của hai thông tuệ này là phi Hữu học, phi Vô học.

Nếu như vậy, sao không thừa nhận hai thông tuệ này gọi là Hữu học?

Kệ nói: Ở nơi học, không nói minh, vì nối tiếp có vô minh.

Giải thích: Do Đức Phật không nói hai thông tuệ này là pháp. Hữu học.

Vì sao Đức Phật không nói?

Nếu sự nối tiếp có vô minh, thì ở trong đó có thể an lập minh, tức sẽ không hợp lý, lại vì vô minh đã bị chế ngự nên ở trong sáu thông tuệ.

Kệ nói: Một, ba, sáu là dẫn dắt.

Giải thích: Như ý trở thành thông tuệ của lưu tận khác biệt nơi tâm của người khác. Ba pháp này theo thứ lớp là ba sự dẫn dắt. Nghĩa là như ý dẫn dắt sự thành tựu dẫn dắt của tâm ghi nhận, dẫn dắt của chánh giáo. Ba sự dẫn dắt này đều xuất phát từ đâu, vì ý có khả năng dẫn dắt người tin nhận sự giáo hóa của Phật. Do ba tâm ấy, khởi tâm quy hướng, tâm tín thọ, tâm tu hành, nên nói ba thứ này là sự dẫn dắt.

Kệ nói: Chánh giáo hơn hẳn trong ba.

Giải thích: Ở trong ba sự dẫn dắt, sự dẫn dắt của chánh giáo là hơn hết. Vì sao?

Kệ nói:

*Vì không quyết định
Nên sinh quả thiện, ái.*

Giải thích: Như ý dẫn dắt sự thành tựu, dẫn dắt của tâm ghi nhận. Do minh có thể tạo ra nên có xứ minh gọi là Càn-đà-lê. Tụng kinh chú này, có thể bay đi giữa khoảng không. Lại có xứ minh tên Y-xoa-ni-kha

và nếu thông tỏ xứ mình này, có thể biết được tâm của người khác.

Chứng giáo như thật, không thể do phương tiện riêng tạo ra. Do đấy, không phải là không quyết định, nên trội hơn hai sự dẫn dắt trước, do hai sự dẫn dắt trước chỉ có thể xoay chuyển lại sự thành tựu. Do chánh giáo dẫn dắt:

Có thể sinh quả thiện.

Hai thứ này có thể sinh quả khả ái. Do chánh giáo này có khả năng hiển bày chánh phương tiện, nên hơn hẳn hai sự dẫn dắt trước.

Trước kia đã nói như ý thành tựu, vậy đây là pháp gì?

Nếu thuận với đạo lý của Tỳ-bà-sa.

Kệ nói: Như ý thành tựu.

Giải thích: Do sự việc của như ý kia thành tựu nên định gọi là như ý thành tựu.

Sự việc gì do như ý kia thành, nên nói việc ấy?

Kệ nói: Đi trên không và hóa sinh.

Giải thích: Trong đấy đi trên không có ba thứ:

1. Đi cùng với thân.
2. Đi của nguyện thành tựu.
3. Đi nhanh của tâm.

Kệ nói: Tâm đi nhanh chỉ Phật.

Giải thích: Sự đi này rất nhanh chóng như tâm, tức chỉ Phật, Thế Tôn mới có thể thực hiện được. Người khác thì không có. Ở một nơi rất xa, do khi phát tâm đi, tức sẽ đến chỗ kia ngay. Do vậy, nên Phật, Thế Tôn nói: Cảnh giới của chư Phật khó có thể tư duy, bàn luận. Hai tâm còn lại, không do nêu bày nhưng đối với Phật thì chúng tự thành.

Kệ nói: Phần còn lại là: đem thân, nguyện thành.

Giải thích: Thanh văn, Độc giác, có thể đem thân đi, như chim theo thứ lớp đem thân đi. Đi của nguyện thành tựu là từ chỗ rất xa, nguyện khiến cho rất gần, do đấy, rất nhanh chóng đi đến chỗ kia. Như ý thành tựu về hóa sinh có hai thứ:

1. Tương ứng nơi cõi Dục.
2. Tương ứng nơi cõi Sắc.

Kệ nói:

Hóa cõi Dục, ngoại nhập bốn thứ

Loại nhập có hai thứ.

Giải thích: Hóa sinh trong cõi Dục, dùng các nhập là: sắc, hương, vị, xúc, làm thể. Thể này có hai thứ:

1. Hoặc tương đương với thân mình.

2. Hoặc tương đương với thân người khác,
Kệ nói: Sắc hai.

Giải thích: Hóa sinh tương ứng với cõi Sắc, chỉ dùng hai nhập làm thể. Nghĩa là sắc nhập, xúc nhập. Vì ở cõi ấy không có hương, vị. Hai nhập này cũng có hai thứ. (như trước đã nói)

Như hóa sinh ở cõi Dục có bốn thứ, ở cõi Sắc cũng vậy. Thế nên, lược nói hóa sinh có tám thứ.

Nếu người sinh nơi cõi Sắc, hóa sinh vật nơi cõi Dục, vì sao không đạt được hương, vị?

Thí dụ như chiếc áo và dụng cụ trang nghiêm, không có dẫn đến đạt được vật của hóa sinh cũng vậy.

Có sư khác nói: Vật đã được sinh kia, chỉ có hai nhập: Vì do thông tuệ của hóa sinh, hóa sinh các vật, hay là không như vậy?

Không phải.

Đây là thế nào?

Do quả của thông tuệ.

Đây là pháp gì?

Kệ nói: Do hóa tâm, tâm này có mười bốn thứ.

Giải thích: Có quả của thông tuệ là tâm sinh hóa, có công năng sinh tất cả vật được biến hóa. Tâm này có mười bốn thứ.

Kệ nói:

Quả của định như thứ lớp

Hai đến năm thứ.

Giải thích: Tâm của quả nơi thông tuệ của địa- sơ định có hai thứ:

1. Địa của cõi Dục.

2. Địa của sơ định.

Tâm của quả nơi thông tuệ của địa định thứ hai có ba thứ, nghĩa là địa của cõi Dục, địa của sơ định, địa của nhị định.

Tâm của quả nơi thông tuệ của địa định thứ ba, thứ tư, có bốn hoặc năm thứ. Điều này nên biết. Tâm biến hóa của nghĩa này cũng nên biết. Quả của các định ấy thuộc về địa mình và địa dưới.

Kệ nói: Không phải trên.

Giải thích: Không có tâm biến hóa của địa trên, làm quả của định nơi địa dưới. Tâm biến hóa của cõi Dục nơi quả của định thứ hai. Từ địa của sơ định, quả của định thứ hai kia do đạo là trội hơn.

Kệ nói: Đắc như định.

Giải thích: Chỗ chứng đắc của tâm biến hóa này, như chỗ đắc tột

bực của định.

Có phải vì chỉ từ tâm biến hóa, tức là xuất quán không?

Không phải nghĩa như thế. Vậy nên nói nghĩa này.

Kệ nói:

Định tịnh tự sinh hai

Từ định kia.

Giải thích: Từ định thanh tịnh, theo thứ lớp sinh thông tuệ biến hóa. Từ thông tuệ biến hóa, lần lượt sinh tâm của quả biến hóa. Từ tâm của quả biến hóa, sinh tâm vô lượng của quả biến hóa, chứ không từ tâm khác sinh. Tiếp theo, từ tâm của quả biến hóa, sinh thông tuệ biến hóa, từ thông tuệ biến hóa sinh định tịnh, hoặc sinh tâm của quả biến hóa. Vì sao? Vì nếu người trụ nơi quả của định, thì sẽ không nhập lại định gốc sẽ không có quả từ định, tức nghĩa xuất quán, tất cả vật đã biến hóa.

Kệ nói: Do từ địa hóa sinh.

Giải thích: Tùy nơi địa hóa sinh vật, địa của tâm hóa sinh, tức đồng địa với tâm này. Vì sao? Do tâm biến hóa của địa riêng lẻ, không thể hóa sinh các vật của địa riêng.

Kệ nói: Ngôn thuyết do địa khác.

Giải thích: Do địa đồng, tâm cũng được nêu bày. Nếu người được biến hóa ở cõi Dục, hoặc địa của sơ định, do đồng với tâm của địa nên có thể khiến được nêu bày. Nếu người được biến hóa ở địa trên thì chỉ do tâm của sơ định, khiến nói năng, vì ở địa trên không Có sự phát khởi tâm của nghiệp giáo.

Nếu khiến cho nhiều người được biến hóa nói năng là đồng hay là không đồng?

Kệ nói:

Cùng chủ thể biến hóa

Không phải là Đức Phật.

Giải thích: Là người được Phật Thế Tôn biến hóa, tất cả người khác được biến hóa cùng với người là chủ thể biến hóa, đều cùng đồng nói năng. Nếu người của chủ thể biến hóa có nói năng, đều cùng nói năng với đa số người được biến hóa.

Kệ nói:

Một người đang nói năng

Người được hóa cùng nói

Một người nếu im lặng

Người được hóa cũng vậy.

Chỉ có Phật, Thế Tôn, như ý đã muốn, hoặc trước, hoặc sau, đã hóa ra mọi người, hoặc người kia hỏi, Phật đáp: hoặc Phật hỏi, người kia đáp. Bấy giờ, nếu khởi tâm nói năng thì lúc này tức không có tâm biến hóa, nên không có đối tượng biến hóa.

Vì sao chủ thể biến hóa con người, mà khiến đối tượng được hóa ra là sự nói năng?

Kệ nói:

*Vì lập nguyện xong
Tạo tác riêng khác.*

Giải thích: Do muốn cho đối tượng biến hóa dừng lại lâu, nên trước phát nguyện hóa sinh, sau nhập quán. Lại vì do tâm riêng lẻ phát khởi nghiệp có giáo, nên khiến cho người kia cũng có nói năng. Vì người sinh ở sự việc đã nguyện đều tùy ý thành nên sau khi chết cũng thành.

Kệ nói: Đã chết, sự nguyện thành.

Giải thích: Do diệu lực của Đại đức Ca-diếp thành tựu, nên xương thân tồn tại. Vì không bị hủy hoại, nên biết sau khi chết, sự nguyện xưa cũng sẽ được thành tựu.

Kệ nói:

*Không phải hư giả
Thuyết khác không có.*

Giải thích: Nếu vật không phải chắc thật, thì sự nối tiếp sẽ không lâu, trong đó và sự nguyện sẽ không thành. Vì Đại Ca-diếp không nguyện để lại phần thân da thịt v.v...

Có sư khác nói: Nếu người đã chết thì không Có sự nguyện nữa.

Nếu vậy thì thân xương của Thánh Đại Ca-diếp, vì sao được trụ?

Do đệ tử của Đại đức, là chư thiên, với oai lực hộ trì, nên được trụ.

Lại do một tâm hóa sinh một vật, hay là do nhiễm tâm hóa sinh một vật?

Kệ nói:

*Đầu tiên, một do nhiều tâm
Đã thành, trái với công năng này.*

Giải thích: Đầu tiên, lúc tu học, tùy một vật đã biến hóa, khởi nhiều tâm biến hóa, nên từ sự hóa sinh mới thành. Nếu thông tuệ của hóa sinh đã thành sẽ do một tâm biến hóa thì hóa sinh không phải là một vật mà tùy theo lượng.

Muốn hóa sinh, có phải vì tất cả tâm biến hóa đều là vô ký

không?

Kệ nói: Tu đắc là vô ký.

Giải thích: Nếu tâm biến hóa là quả của tu đắc, thì nhất định là vô ký.

Kệ nói: Nếu sinh đắc thì có ba thứ.

Giải thích: Nếu tâm biến hóa do sinh đắc, thì kết sử có: Thiện, ác, vô ký. Nghĩa là sinh đắc của trời, rồng, quỷ thần v.v... với tâm biến hóa đã tạo ra: hoặc ở tại thân hóa sinh, hoặc ở thân người khác hóa sinh.

Chín nhập này làm tánh, vì có sắc nhập, trừ thanh, nên không đều lia căn sinh. Ví như trùng kỷ mỹ và cỏ Y-sư-ca.

Như thành ý có hai thứ:

1. Tu đắc.
2. Sinh đắc.

Loại này lại có hai thứ.

Kệ nói:

*Ý thành do chú, thuốc
Nghịệp sinh, nên năm thứ.*

Giải thích: Nếu lược nói thì như ý thành có năm thứ:

1. Quả tu.
2. Sinh tu.
3. Chú thành.
4. Thuốc thành.
5. Nghịệp thành.

Nghịệp thành: Ví như vua Đảnh Sinh v.v... và trung ấm của chúng sinh là chỗ nói về thiên nhĩ và thiên nhãn.

Hai thiên nhĩ, thiên nhãn này, vì là chủng loại của trời, nên nói là trời hay là vì như trời, nên nói là trời? Về nghĩa này nên suy xét hư thiên nhĩ, thiên nhãn: Nghĩa là Bồ-tát, Chuyển luân vương báu lớn, hoặc nhĩ, nhãn là chủng loại của trời.

Kệ nói:

*Thiên nhĩ và thiên nhãn
Nên địa sắc thanh tịnh.*

Giải thích: Nếu người nhập bốn định, duyên nơi âm thanh, ánh sáng, tu gia hạnh làm phước tiện, nên nương vào địa của bốn định. Bốn đại có hai thứ sắc thanh tịnh, khởi khắp biên vực của nhĩ, nhãn, làm chỗ nương dựa cho sự thấy sắc, nghe tiếng. Vì do dựa vào địa của định sinh, nên nhĩ, nhãn này là chủng loại của trời. Lại nữa, hai thứ này:

Kệ nói:

*Vì đẳng phần luôn đủ
Cảnh giới vi tế, xa.*

Giải thích: Thiên nhĩ, thiên nhãn, đều là đẳng phần, luôn tương ứng với thức, đều đủ các căn, không có lỗi lầm của kẻ mù loạn v.v... Ví như chúng sinh nơi cõi Sắc với chướng ngại vi tế nơi cõi trên. Sắc xa v.v, và tiếng, đều là cảnh của cõi Sắc kia.

Nếu nhục nhãn thì như kệ nói:

*Trụ xa bi chướng nhỏ
Khắp xứ sắc chẳng thấy
Nhục nhãn thấy sắc đối
Thiên nhãn thì trái lại.*

Nếu do thiên nhãn thấy sắc, thì sắc của chỗ trông thấy gần, xa như thế nào?

Tùy người, tùy mắt, sắc của chỗ trông thấy gần, xa cũng vậy. Thanh văn, Độc giác, Phật, Thế Tôn, nếu không tạo ra tâm có dụng công, muốn thấy, cũng có thể thấy một ngàn, hai ngàn, ba ngàn thế giới. Nếu tạo ra tâm có dụng công, muốn thấy.

Kệ nói:

*Hai, ba ngàn, vô số
Ứng cúng, Độc giác, Phật.*

Giải thích: Nếu hàng Đại Thanh văn do thiên nhãn muốn thấy, tạo ra tâm có dụng công lớn, có thể thấy hai ngàn thế giới của trung thiên. Nếu Tê giác dụ cho Độc giác, do thiên nhãn muốn thấy, tạo ra tâm có dụng công lớn, có thể thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu Phật, Thế Tôn do thiên nhãn muốn thấy tất có thể thấy A-tăng-kỳ thế giới, tùy chỗ Phật muốn thấy. Vì sao? Vì như trí có thể đối với pháp thiên nhãn, có thể đối với sắc cũng vậy. Vì chỉ như ý thành có sinh đặc, vì các thứ khác cũng sinh đặc.

Kệ nói: Có sinh đặc khác.

Giải thích: Bốn thiên nhãn v.v... cũng có sinh đặc. Tất cả chỗ đạt được của sự sinh, không được mang tên là thông tuệ.

Kệ nói:

*Nhãn, trung ấm
Không phải là cảnh kia.*

Giải thích: Thiên nhãn của sinh đặc này không thể thấy sắc của chúng sinh trung ấm. Vì sao? Vì sắc này chỉ là đối tượng được thấy của mắt nơi thông tuệ, không phải được thấy do thiên nhãn sinh đặc, trừ đồng loại của sắc kia.

Kệ nói: Tha tâm trí có ba thứ.

Giải thích: Ngôn lưu sinh đặc: Nếu là sinh đặc nên biết ba thứ tánh, nghĩa là thiện, ác, vô ký.

Kệ nói: Quán chỗ tạo của mình.

Giải thích: Không chỉ sinh đặc có ba thứ, mà học nơi Luận Y- Xoa-Ni-Kha có thể quán tướng đạt được tha tâm trí. Do tư duy phân biệt mà thành, hoặc được tạo nên do mình, chú. Chú này, nên biết cũng có ba thứ, nghĩa là thiện, ác, vô ký, không như tu đặc hoàn toàn là thiện. Do sinh mà được tha tâm trí và trí trụ niệm.

Kệ nói:

*Đối với mọi người Không có sinh
đặc.*

Giải thích: Chỉ ở cõi người, như trước đã nói. Năm như ý thành v.v... không có chỗ đặc của sinh.

Nếu vậy, vì sao lại có được tự tánh, nhớ giữ túc trụ nơi người?

Đây là chỗ tạo tác từ sự khác biệt của nghiệp. Vì sao? Vì ở nghiệp kia cũng có ba thứ. Trí túc trụ niệm, có quả của tu đặc, có sinh đặc, có nghiệp tạo ra.

